

Số: 2036/TCBC-STP

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 11 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh,
Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh
ban hành trong tháng 10 năm 2025**

Thực hiện Điều 11 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”; Văn bản số 2771/UBND-NC ngày 12/8/2025 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2025, cụ thể như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Qua theo dõi, tổng hợp, Sở Tư pháp thấy rằng, trong tháng 10 năm 2025, số văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành là 17 văn bản (07 Nghị quyết của HĐND tỉnh, 09 Quyết định của UBND tỉnh, 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh), cụ thể như sau:

Các Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành:

1. Nghị quyết số 74/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp;

2. Nghị quyết số 75/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

3. Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách, chế độ nghỉ việc đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quyết định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

5. Nghị quyết số 78/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của

HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực;

6. Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

7. Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Các Quyết định do UBND tỉnh ban hành:

1. Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

2. Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh;

3. Quyết định số 79/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt do UBND cấp xã tổ chức lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

4. Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

5. Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

6. Quyết định số 83/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

7. Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn

tỉnh - Phần đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường công trình giao thông;

8. Quyết định số 88/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

9. Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Các Quyết định do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành:

1. Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các sở, ban, ngành cung cấp¹, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 17 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2025 như sau:

1. Nghị quyết số 74/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 27/10/2025.

- Nghị quyết này thay thế các nghị quyết sau của HĐND tỉnh: Nghị quyết số 303/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

¹ Công văn số 4373/SNV-VP ngày 04/11/2024 của Sở Nội vụ; Công văn số 3208/SGDĐT-TCHC ngày 05/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 8420/STC-VP ngày 06/11/2024 của Sở Tài chính; Công văn số 10891/SNN&MT-VP ngày 04/11/2024 và Công văn số 11074/SNN&MT-VP ngày 07/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 8095/SXD-VP ngày 07/11/2025 của Sở Xây dựng, Công văn số 5946 ngày 08/11/2025 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Chỉ đạo của Bộ Tài chính tại văn bản số 8911/BTC-NSNN ngày 20/6/2025 về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước (NSNN) khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: “Căn cứ các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Công văn 4205/BTC-NSNN năm 2025 hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó yêu cầu Sở Tài chính tham mưu UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2025, bao gồm nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã”; căn cứ Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Quảng Ninh thời kỳ ổn định ngân sách 2022 – 2025; các Nghị quyết bổ sung định mức chi thường xuyên tại: Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số 185/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh.

Cơ sở thực tiễn

HĐND tỉnh đã triển khai Kế hoạch số 06/KH-GS ngày 25/3/2025 về việc giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia khoản thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương, định mức phân bổ chi ngân sách địa phương. Ngày 30/6/2025, Đoàn giám sát HĐND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 114/BC-ĐGS về kết quả giám sát theo kế hoạch số 06/KH-GS nêu trên. Tại báo cáo đã ghi nhận các kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2022 – 2025, đồng thời cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế, kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung quan trọng để huy động tối đa nguồn thu cho NSNN, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách đảm bảo phù hợp hơn với tình hình thực tiễn, cụ thể:

+ Về thu NSNN: kiến nghị giao nhiệm vụ thu ngân sách cho cấp xã gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương cơ sở; phân cấp nguồn thu được để lại ngân sách cấp xã đảm bảo khả năng cân đối ngân sách cấp xã ở mức cao nhất. Giao thu tiền sử dụng đất cho cấp xã (trừ các dự án tỉnh trực tiếp thu), điều tiết cho ngân sách cấp xã để phát triển hạ tầng tại chỗ.

+ Về chi ngân sách địa phương: quan điểm ngân sách tỉnh tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, điều hòa, điều phối nguồn lực ngân sách cho cấp xã; định mức phân bổ dự toán chi của cấp xã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp (chuyển nhiệm vụ của cấp huyện về xã); ngoài đảm bảo hoạt động thường xuyên của địa phương, còn tiết kiệm để tăng thu nhập là động lực cho cán bộ, công chức, người lao động tham gia công tác.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong cả nước và Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ninh năm 2025 (hình thành mới 54 đơn vị cấp xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Quảng Ninh từ ngày 01/7/2025); ngày 27/6/2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 278/NQ-HĐND về bổ sung cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025. Ngày 28/6/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2311/QĐ-UBND về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh.

Đến nay, sau thời gian 03 tháng triển khai chính quyền địa phương 02 cấp, thu NSNN toàn tỉnh đến ngày 30/9/2025 đạt: 51.539 tỷ đồng, bằng 93% dự toán năm Trung ương giao, bằng 90% dự toán năm Tỉnh giao. Chi thường xuyên NSDP đến ngày 30/9/2025 là 12.058 tỷ đồng, bằng 72% dự toán, bằng 164% cùng kỳ; Quảng Ninh là một trong số các tỉnh, thành phố không bị chậm lương, phụ cấp, chế độ an sinh xã hội sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, điều hành dự toán NSNN của các đơn vị hành chính cấp xã (mới) còn nhiều lúng túng, còn khá nhiều nội dung phát sinh chưa được xử lý kịp thời; việc vận hành hệ thống quản lý dữ liệu của ngành tài chính (Tài chính, Thuế, KBNN) tại tỉnh chưa được đồng bộ, thông suốt do các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm điều tiết các khoản thu và định mức chi thường xuyên chưa được ban hành kịp thời, đầy đủ, thống nhất đáp ứng yêu cầu hoạt động của mô hình chính quyền 02 cấp. Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, để triển khai việc thực hiện Nghị quyết số 278/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được thuận lợi, hiệu quả trong tình hình mới; đồng thời phục vụ cho công tác xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2026 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC, thì việc xem xét ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Nghị quyết số 66/2021/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

- Mục đích ban hành: Cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của tỉnh Quảng Ninh về nhiệm vụ thực hiện dự toán NSNN năm 2025 tương ứng với chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025; Có cơ sở tính toán, điều chỉnh và giao dự toán ngân sách cho 54 đơn vị hành chính (mới) sau sắp xếp.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 04 chương, 38 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;

- + Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được NSNN hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;
- + Các đơn vị sự nghiệp công lập; Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến NSNN.

- Các quy định chính: Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã; một số quy định khác (các khoản thu dành chi đầu tư phát triển; đối với các hợp đồng Nghị định số 111/2022/NĐ-CP tại cơ quan hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, hội, đơn vị sự nghiệp công và hợp đồng công việc tại trung tâm hành chính công các cấp theo chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cơ chế thưởng vượt thu từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách địa phương)

- Danh mục kèm theo: Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 2025.

2. Nghị quyết số 75/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Tại khoản 4.2 Mục 4 Phần III Văn bản số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, theo đó định hướng: “Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của ĐVHC sau sắp xếp; quan tâm đến nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp.”

(2) Tại điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025, trong đó giao trách nhiệm cho HĐND tỉnh như sau:

“4. HĐND, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

d) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.”

(3) Nghị quyết số 31-NQ/TU ngày 02/12/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, trong đó xác định mục tiêu tổng quát là: “Phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân”. Để góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nói riêng, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị tác động, ảnh hưởng của việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn của Tỉnh.

(4) Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025: “3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: 1. HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Cơ sở thực tiễn:

Qua báo cáo tình hình thực tiễn việc đi lại của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn tỉnh, do tác động của việc sắp xếp ĐVHC cấp xã, thay đổi trụ sở làm việc, chi phí đi lại phát sinh khá tốn kém; việc di chuyển trên cung đường dài mất thêm thời gian, nhất là tại một số địa bàn miền núi, biên giới, giao thông chưa thuận lợi hoặc di chuyển bằng tàu, bè, thuyền tại các xã đảo, phụ thuộc vào phương tiện thủy, thời tiết, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và tiến độ giải quyết công việc. Một số cán bộ, công chức, viên chức đã xin chuyển công tác về các địa phương vùng thuận lợi, trong đất liền hoặc xin nghỉ việc, thôi việc.

Như vậy, đối chiếu các quy định nêu trên và căn cứ tình hình thực tiễn của tỉnh, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết.

- Mục đích ban hành: Nhằm bảo đảm quyền lợi, tạo điều kiện để đội ngũ yên tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn sau sắp xếp.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 07 điều. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng.

Điều 4. Thời gian và hình thức hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí.

Điều 6. HĐND tỉnh giao.

Điều 7. Điều khoản thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã phải thay đổi trụ sở làm việc so với trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được điều động, luân chuyển, biệt phái, phân công công tác đến làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

- Các quy định chính về mức hỗ trợ:

(1) Hỗ trợ mức 2.000.000 đồng/người/tháng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này trong trường hợp phát sinh tăng khoảng cách đi lại từ trụ sở cơ quan cũ đến trụ sở cơ quan mới, cụ thể:

+ Từ 10 km trở lên đối với trụ sở cơ quan mới đặt tại địa bàn các xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 3424/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh.

+ Từ 15 km trở lên đối với trụ sở cơ quan mới đặt tại các địa bàn còn lại.

Lý do đề xuất mức khoảng cách trên: Trong những năm gần đây, tỉnh chú trọng đầu tư, nâng cấp mạnh mẽ mạng lưới giao thông, mở rộng các tuyến cao tốc, đường ven biển, nâng cấp đường tỉnh, xã; đồng thời triển khai nhiều dự án giao thông cho vùng núi, vùng biên giới và khu vực dân tộc thiểu số; kết nối giữa đô thị - nông thôn và vùng cao được cải thiện đáng kể, lưu thông thuận lợi; nhiều xã về đích sớm nông thôn mới nhờ hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ. Do vậy, thời gian và chi phí đi lại được giảm đáng kể.

(2) Hỗ trợ mức 3.000.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đảo Quan Lạn, Minh Châu, Thắng Lợi, Ngọc Vũng, Bản Sen làm việc tại trung tâm hành chính đặc khu Vân Đồn.

Lý do đề xuất: Các trường hợp nêu trên không thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đi lại, sinh hoạt đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc thường xuyên tại một số địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

3. Nghị quyết số 76/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định chính sách, chế độ nghỉ việc đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Điều 4 Nghị quyết số

07/2025/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 17/10/2025 đến hết ngày 01/11/2025

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP quy định đối tượng áp dụng: “Người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm: chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách trong độ tuổi lao động; chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách là người đã nghỉ hưu và người trong độ tuổi lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động”.

(2) Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP quy định mức trợ cấp: “Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng trợ cấp một lần do địa phương quyết định trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách địa phương nhưng tối đa không quá 24 tháng tiền lương hiện hưởng hoặc thù lao hiện hưởng”.

(3) Tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP quy định: “Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho các bộ, công chức, viên chức và người lao động muộn nhất là ngày 01/11/2025”

(4) Tại điểm a, điểm d khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP quy định: “a) Chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát tổng thể số lượng người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 nghỉ ngay để trình HĐND cùng cấp ban hành chính sách, chế độ quy định tại Điều 4 Nghị quyết này; ... d) Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và quyết định theo thẩm quyền phân cấp quản lý; trên cơ sở đó, thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người làm việc tại các Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ muộn nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2025”.

(5) Tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025: “3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: 1. HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 27/6/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2304/QĐ-UBND công nhận 13 hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-MTTQ-BTT ngày 10/6/2025 của Ban Thường trực Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh, 13 hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ nêu trên hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp, thường xuyên là Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh là đầu mối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý biên chế, kinh phí Nhà nước giao cho các hội.

- Số định biên giao năm 2025 theo Thông báo số 1774-TB/TU ngày 04/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 74 định biên.

- Số người làm việc có mặt tính đến tháng 10/2025: 86 người, gồm 11 Chủ tịch và 17 Phó Chủ tịch, trong đó:

+ Số có mặt trong định biên: 64 người;

+ Số hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ trong định biên: 03 người;

+ Số cán bộ hưu trí: 15 người;

+ Số hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ: 04 người.

Sau khi phối hợp rà soát với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, đến nay, có 01 trường hợp đang làm việc tại Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh có nguyện vọng nghỉ việc theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP. Như vậy, đối chiếu các quy định nêu trên và căn cứ tình hình thực tiễn của tỉnh, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách nghỉ việc đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh trước thời điểm ngày 01/7/2025 theo Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 06 điều. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Chính sách, chế độ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thi hành.

Điều 6: Hiệu lực thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định chế độ, chính sách nghỉ việc đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh trước thời điểm ngày 01/7/2025 theo Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng: Người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh trước thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách trong độ tuổi lao động; Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách là người đã nghỉ hưu; người trong độ tuổi lao

động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

- Các quy định chính về mức chính sách, chế độ: Đối tượng thuộc đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này được hưởng các chế độ sau:

(1) Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách trong độ tuổi lao động; người trong độ tuổi lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được hưởng mức trợ cấp một lần bao gồm:

- + Được hưởng trợ cấp một lần bằng 24 tháng tiền lương hiện hưởng;
- + Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;
- + Được hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

(2) Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách là người đã nghỉ hưu được hưởng mức trợ cấp một lần bằng 12 tháng thù lao hiện hưởng.

(3) Trường hợp đã nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy theo yêu cầu của việc thực hiện tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền đến trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành nhưng chưa được hưởng chính sách, chế độ thì được áp dụng chính sách, chế độ quy định tại điểm a, điểm b khoản này; trường hợp đã được hưởng chính sách, chế độ nhưng mức trợ cấp thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị quyết thì được cấp bổ sung bằng mức hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

(4) Nguồn kinh phí: NSNN theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quyết định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 27/10/2025.

- Nghị quyết số 315/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc quy định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ban hành thay thế Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12, tiếp đó Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về việc tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 315/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định mức

phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 04/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2025/NĐ-CP, trong đó quy định mức phụ cấp cho Thôn đội trưởng; trợ cấp ngày công lao động cho dân quân cao hơn mức quy định tại Nghị quyết số 315/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (327.600 đồng so với 280.800 đồng); quy định mức phụ cấp hằng tháng cho thôn đội trưởng, mức trợ cấp ngày công lao động cho dân quân do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định.

- Mục đích ban hành: Cụ thể hóa việc triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Luật Dân quân tự vệ; Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về việc tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ. Tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện việc bảo đảm chế độ, chính sách cho dân quân theo các quy định pháp luật và các Nghị quyết của HĐND tỉnh được thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 05 điều. Cụ thể:

Điều 1. Quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với thôn, khu đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Thôn, khu đội trưởng.

+ Dân quân: Thường trực, tại chỗ, cơ động, phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế.

+ Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Các nội dung chính:

+ Mức phụ cấp hằng tháng đối với thôn, khu đội trưởng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng 1.638.000 đồng/người/tháng (tương đương 0,7 lần mức lương cơ sở).

+ Mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng 398.000 đồng/người/ngày (tương đương 0,17

lần mức lương cơ sở).

Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương theo quy định, mức trợ cấp tăng thêm bằng 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng.

+ Trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì mức phụ cấp, trợ cấp được điều chỉnh tương ứng.

5. Nghị quyết số 78/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 17/10/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Tại khoản 8 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 quy định:

“Điều 14. Ủy quyền

...8. Công chức thuộc UBND cấp xã được Chủ tịch UBND cấp xã ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và được giao ký thừa ủy quyền thì được sử dụng con dấu của UBND cấp xã.

HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã quy định tại khoản này”.

Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 quy định: “1. HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/7/2025, thực hiện Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có 54 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 22 xã, 30 phường và 02 đặc khu) chính thức hoạt động, cung cấp dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức theo yêu cầu, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước khác, trong đó có các yêu cầu về lĩnh vực chứng thực.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và pháp

luật khác có liên quan, hiện tại UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiều nhiệm vụ, quyền hạn do phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn thuộc UBND cấp huyện trước ngày 01/7/2025 chuyển giao, trong đó nhiệm vụ chứng thực của cấp huyện trước đây chuyển giao toàn bộ cho chính quyền cấp xã thực hiện đồng thời theo quy định một số thủ tục thuộc lĩnh vực chứng thực yêu cầu thời gian xử lý, trả kết quả ngay trong ngày. Do đó Chủ tịch UBND cấp xã chịu áp lực rất lớn trong quá trình thực hiện thẩm quyền chứng thực, cá nhân công dân và tổ chức có liên quan cũng chịu sự tác động và ảnh hưởng rất nhiều về mặt thời gian cũng như thủ tục khi thực hiện yêu cầu chứng thực tại UBND cấp xã.

Để kịp thời đáp ứng yêu cầu của cá nhân, tổ chức được nhanh chóng, thuận tiện khi thực hiện chứng thực, đảm bảo việc giải quyết thủ tục hành chính thông suốt, hiệu quả; việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương là yêu cầu cấp bách và cần thiết tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành ngay Nghị quyết định theo trình tự thủ tục rút gọn để giải quyết yêu cầu của thực tiễn đảm bảo phù hợp với điều kiện tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh và quy định pháp luật hiện hành.

- Mục đích ban hành: Việc xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh nhằm tạo cơ sở pháp lý để Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương quyết định việc ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 05 điều. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền trong lĩnh vực chứng thực.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã thực hiện trong lĩnh vực chứng thực trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng gồm:

+ Chủ tịch UBND cấp xã.

+ Công chức thuộc UBND cấp xã.

+ Cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Các quy định chính về Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã

được ủy quyền trong lĩnh vực chứng thực:

- + Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.
- + Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
- + Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.
- + Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản.
- + Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- + Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.
- + Chứng thực di chúc.
- + Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.
- + Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.
- + Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.
- + Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng, giao dịch.
- + Chứng thực việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

6. Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 27/10/2025.
- Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.
- Nghị quyết này bãi bỏ mức thu các khoản phí tại thứ tự số 13, 14 và 15 phần V - Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường - Phụ lục I (Mức thu các khoản phí, lệ phí theo Luật Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh theo Luật Phí và lệ phí) quy định tại khoản 1 Điều 1; bãi bỏ đối tượng nộp phí và đơn vị thu phí tại thứ tự số 5 Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường đối với tên phí thứ 14, 15 và 16 - Phụ lục II (Đối tượng nộp phí, lệ phí và đơn vị thu phí, lệ phí) quy định tại khoản

2 Điều 1 và bãi bỏ tỷ lệ trích lại cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí tại thứ tự số 5 - Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, đối với tên phí thứ 11, 12, 13 - Phụ lục III (Tỷ lệ trích để lại cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí) quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, ngày 31/5/2022 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (GPMT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 06/01/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, theo đó bổ sung nội dung quy định đoàn kiểm tra thực hiện quan trắc chất thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường đối với các cơ sở thuộc đối tượng. Chi phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra được lấy từ nguồn phí thẩm định cấp GPMT theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Tuy nhiên, tại thời điểm xây dựng Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ không quy định về việc thu phí thẩm định cấp, cấp lại GPMT cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra do đó, mức thu phí quy định tại Nghị quyết chưa bao gồm Chi phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải của đoàn kiểm tra cấp, cấp lại GPMT.

Bên cạnh đó, tại Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, quy định mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh và cấp huyện. Tuy nhiên từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương được tổ chức theo mô hình 2 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), không còn tổ chức chính quyền cấp huyện. Do đó, việc quy định mức phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT đối với dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp huyện không còn phù hợp.

Theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, thẩm quyền cấp GPMT theo quy định tại Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường (thẩm quyền của UBND cấp huyện) là của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ của UBND cấp tỉnh về giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc

thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công Dịch vụ công quốc gia; căn cứ đề xuất của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh không còn nhu cầu sử dụng tỷ lệ trích để lại 4%.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 92/2022/NQHĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết.

- Mục đích ban hành: Bổ sung mức thu phí cho hoạt động lấy và phân tích mẫu chất thải sau xử lý của đoàn kiểm tra trong quá trình cấp, cấp lại GPMT, bỏ mức thu phí đối với GPMT cấp huyện và điều chỉnh thẩm quyền cấp GPMT, điều chỉnh lại tổ chức thu phí và tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 03 điều, 02 phụ lục. Cụ thể:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT và phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Phụ lục 1: Danh mục và mức thu các khoản phí cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Phụ lục 2: Danh mục và mức thu các khoản phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT và phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT; phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các quy định chính:

+ Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thẩm định: cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT; khai thác, sử dụng nguồn nước.

+ Tổ chức thu phí:

Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu phí khai thác, sử dụng nguồn nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh.

+ Mức thu phí:

Danh mục và mức thu các khoản phí cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Phụ lục 1 kèm theo;

Danh mục và mức thu các khoản phí khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại Phụ lục 2 kèm theo.

+ Hình thức nộp phí: Tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT; khai thác, sử dụng nguồn nước thanh toán phí một lần bằng hình thức tiền mặt hoặc thanh toán điện tử cho tổ chức có chức năng thu phí trước thời điểm tổ chức thẩm định.

+ Tỷ lệ trích, nộp:

(1) Tỷ lệ trích để lại:

Trích để lại 90% số phí thu được cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ cho công tác thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh GPMT.

Trích để lại 90% số phí thu được cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ cho công tác thẩm định hồ sơ khai thác, sử dụng nguồn nước.

(2) Trích nộp NSNN 10% tổng số phí thu được.

7. Nghị quyết số 80/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 17/10/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

- Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, theo đó:

+ Tại khoản 4 Điều 3 quy định cụ thể các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong trường học: "Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là dịch vụ được tổ chức để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của người học và hoạt động của cơ sở giáo dục nhưng không được NSNN đảm bảo hoặc chưa được cấu thành trong học phí. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục bao gồm các dịch vụ như: dịch vụ ăn uống, bán trú; dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống; dịch vụ trông giữ,

chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ; dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác." (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP không quy định cụ thể các dịch vụ này).

+ Tại điểm b khoản 3 điều 4:

“3. UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

b) Trình HĐND cùng cấp quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý để áp dụng tại địa phương”.

Cơ sở thực tiễn

Ngày 17/7/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND về việc quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá triển khai Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngay từ đầu năm học 2025 – 2026 một số dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục như: dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống chưa được quy định trong Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND do Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 không quy định cụ thể các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là gì. Do đó các cơ sở giáo dục không có căn cứ để tổ chức các dịch vụ hỗ trợ nêu trên để đáp ứng nhu cầu chính đáng của phụ huynh và học sinh trong quá trình học tập tại trường.

- Mục đích ban hành: Đảm bảo căn cứ pháp lý cho các cơ sở giáo dục thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí các khoản thu dịch vụ, phục vụ, hỗ trợ hoạt động trong các cơ sở giáo dục và để đảm bảo chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện cho phụ huynh, học sinh tham gia và giúp cho các cơ sở giáo dục thuận tiện trong tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ giáo dục.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết gồm 03 điều với nội dung chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định danh mục các khoản thu

và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh theo khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; khoản 2 Điều 18 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP; khoản 3 Điều 38 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.”

2. Sửa đổi, bổ sung mục 6 và mục 7 Phụ lục quy định danh mục các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại khoản 1 Điều 2 thành mục 6 như sau:

Danh mục các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục	Đơn vị tính	Mức thu tối đa/ thỏa thuận
6. Dịch vụ đưa đón người học; dịch vụ y tế học đường; dịch vụ tư vấn tâm lý, hướng nghiệp, trải nghiệm hướng nghiệp; dịch vụ thư viện; dịch vụ công nghệ, học tập số; hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống		Theo thỏa thuận

Điều 2. Điều khoản thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

8. Quyết định số 77/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2025.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 4155/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (được sửa đổi tại Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2013); Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; trừ các điều từ Điều 14 đến Điều 19 của Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh được bãi bỏ tại “Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường quốc lộ được phân cấp và hệ thống đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Thực hiện quy định tại Điều 8, Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024; chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 về

việc ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được xây dựng trên cơ sở căn cứ Luật Đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các nghị định, thông tư hướng dẫn đã hết hiệu lực thi hành, do đó cần thiết phải ban hành quy định mới của UBND tỉnh về Quy định về quản lý đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Mục đích ban hành: Đảm bảo tính thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch và tuân thủ thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành Quy định về quản lý đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 05 chương và 21 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Những nội dung không đề cập tại Quy định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Các nội dung chính:

+ Quy định về phân cấp, phân loại và đặt tên, đổi tên, số hiệu đường địa phương;

+ Quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường địa phương;

+ Quy định về đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

9. Quyết định số 78/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Ban chấp hành Trung ương về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 76/2025/NQ-UBTVQH ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; số 1679/NQUBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025; Nghị quyết số 258/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của HĐND tỉnh về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh.

Cơ sở thực tiễn:

Đến nay, mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã đi vào hoạt động, đồng thời, nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã có sự thay đổi về tên gọi, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ. Vì vậy, để kịp thời cập nhật, đồng bộ trong triển khai thực hiện quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh, cần thiết ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Mục đích ban hành: Sửa đổi, cập nhật tên gọi các sở, ngành do có sự thay đổi cơ cấu tổ chức, sửa đổi trách nhiệm của UBND cấp huyện cho các cơ quan, tổ chức khác do việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp để triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh đối với các nội dung mà tại Luật giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính Phủ quy định trách nhiệm chung của UBND tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều với nội dung chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

- Nội dung mới của quy định so với văn bản trước đó: Thay thế cụm từ về cơ quan, đơn vị là đối tượng điều chỉnh tại Quyết định; sửa đổi số thứ tự, thay thế cụm từ về cơ quan, đơn vị là đối tượng điều chỉnh tại Phụ lục của Quyết định.

10. Quyết định số 79/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt do UBND cấp xã tổ chức lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực từ ngày 20/10/2025.

- Quá trình thực hiện, nếu các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn (Luật, Nghị định, Thông tư,...) được sửa đổi, bổ sung, thay thế khác với

quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn năm 2024 (có hiệu lực từ 01/7/2025) quy định: “Đối với quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh mà do UBND cấp huyện tổ chức lập thì UBND cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục do UBND cấp tỉnh quy định”.

Tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn quy định: “c) Thẩm quyền của UBND cấp huyện về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn do UBND cấp xã thực hiện”. Đồng thời tại khoản 11 Điều 11 của Nghị định số 145/2025/NĐ-CP quy định: “Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến khi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực thi hành, các quy định tại điều, khoản, điểm sau đây của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện như sau: “11. UBND cấp huyện” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 48, khoản 2 Điều 55 và khoản 7 Điều 59 là “UBND cấp xã”.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 10 điều. Cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập.

Điều 4. Trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 5. Lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 6. Lấy ý kiến về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 7. Thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 8. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 9. Cập nhật, công bố nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 10. Điều khoản thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt do UBND cấp xã tổ chức lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (gồm cả các quy hoạch đô thị và nông thôn do UBND cấp huyện cũ lập, được UBND tỉnh phê duyệt trước ngày

01/7/2025. Đến nay thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp) theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2025/QH15 ngày 26/11/2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 11 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

- Đối tượng áp dụng:

+ UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn, các ban, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh;

+ Ủy ban nhân các xã, phường, đặc khu (gọi tắt là UBND cấp xã) và các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND cấp xã của tỉnh Quảng Ninh;

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

11. Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 27/10/2025.

- Đối với công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đến hết kỳ dự toán được phê duyệt.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

(1) Luật Giá năm 2023

- Tại Khoản 7 Điều 73 sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Giá số 11/2022/QH15 quy định:

“6. UBND cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”.

- Phụ lục số 02 Danh mục hàng hoá dịch vụ do nhà nước định giá:

+ Stt 17 - Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng NSNN và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương: “ UBND cấp tỉnh định giá cụ thể”.

+ Stt 37 - Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRS): ”UBND cấp tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; định giá cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân”.

(2) Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ

- Điểm b, c khoản 2 Điều 26 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh (được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP) quy định:

“b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp đối với những danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN các bộ, cơ quan trung ương không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc phạm vi quản lý để thực hiện tại địa phương”.

- Stt 5/II Biểu 02 Phụ lục I quy định Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng: “5. Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.

- Tại khoản 1 Điều 3 Giải thích từ ngữ: “1. Sản phẩm, dịch vụ công là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực:; tài nguyên và môi trường; ... và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích.”.

(3) Điểm c khoản 1 Điều 152 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, về trách nhiệm của địa phương "c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải"

(4) Khoản 3 Điều 37 Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường: “37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực môi trường phân quyền cho UBND cấp tỉnh thực hiện:...

3. Quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường.”

(5) Mục 7.1 phần I Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này quyết định định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể phù hợp với thực tế, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”.

Từ các căn cứ nêu trên, thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ sở thực tiễn:

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 10 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 với nhiều quy định mới về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; một trong những chính sách nổi bật là quy định về việc phân loại CHTSH tại nguồn với yêu cầu hộ gia đình, cá nhân phân loại CTRSH tại nguồn, thu gom và chuyển CTRSH được phân loại đến đúng nơi quy định (Điều 75); yêu cầu điểm tập kết, trạm trung chuyển cũng như cơ sở xử lý CTRSH phải đáp ứng các điều kiện để phù hợp với từng loại CTRSH đã được phân loại (Điều 76, 77); CTRSH phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, hạn chế xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp (Điều 78).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT, quy trình kỹ thuật là căn cứ để ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật; theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thì định mức kinh tế - kỹ thuật là cơ sở xác định giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại; Thông tư 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Các quy trình, định mức được ban hành cho 03 nhóm công tác: (1) Thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn sinh hoạt bằng thủ công hoặc cơ giới; (2) Công tác vận hành Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (3) Công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vận hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Các định mức ban hành tại Thông tư 36/2024/TT-BTNMT là các định mức phổ biến đang thực hiện nhiều tại đa số các địa phương; đối với các công tác mang tính đặc thù của địa phương không được ban hành tại Thông tư này.

Năm 2015, tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ vào Quyết định 592/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng công bố định mức thu gom, vận chuyển và xử lý CTR đô thị để ban hành Bộ đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTR đô thị tại Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh.

Đồng thời, căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các định mức, đơn giá đặc thù của địa phương tại các Quyết định: Số 3155/QĐ-SXD ngày 23/11/2015 của Sở Xây dựng về việc công bố định mức dự toán công tác xử lý rác thải sinh hoạt tại nhà máy xử lý chất thải rắn TP. Móng Cái; số 1475/QĐ-SXD ngày 03/06/2016 của Sở Xây dựng về việc phê duyệt đơn giá dự toán công tác xử lý CTRSH tại nhà máy xử lý chất thải rắn TP. Móng Cái; số 697/QĐ-UBND ngày 31/03/2022 của UBND tỉnh phê duyệt đơn giá xử lý CTRSH bằng phương pháp đốt tại khu xử lý rác thải rắn Cầu Cao, xã Vạn Yên, huyện Vân Đồn; số 1817/QĐ-SXD ngày 01/6/2018 của Sở Xây dựng công bố định mức, đơn giá công tác thu gom, vớt rác trên vịnh Hạ Long.

Tại khoản 2 Điều 22 của Thông tư 35/2024/TT-BTNMT quy định: "UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thuộc phạm vi quản lý phù hợp với nội dung quy định tại Thông tư này, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định". Tại khoản 7.1 Mục 7 của Thông tư 36/2024/TT-BTNMT quy định: "UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này quyết định định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể phù hợp với thực tế, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc phạm vi quản lý của địa phương".

Như vậy, trên cơ sở các quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành, các địa phương cần tổ chức rà soát sự phù hợp của các quy định này với điều kiện tổ chức thực hiện các công tác này ở địa phương để ban hành quy định về quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật cho phù hợp với thực tế quản lý của địa phương và đáp ứng yêu cầu môi trường.

Trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại các địa phương trên địa bàn tỉnh cho thấy, một số công tác thực tế đang thực hiện song chưa có căn cứ xác định chi phí trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện, cụ thể: Công tác duy trì vệ sinh bãi biển; Công tác duy trì vệ sinh trên vịnh, trên biển; công tác thu gom rác thải sinh hoạt thủ công từ các dụng cụ thu chứa của các cơ sở, tàu thuyền tại điểm neo đậu trên vịnh lên tàu chuyển đến địa điểm tập kết (trên bờ); Công tác vệ sinh công cộng; công tác vận hành lò đốt CTRSH tại một số địa bàn...

- Mục đích ban hành: Tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (không bao gồm các khu/nhà máy/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được đầu tư bằng nguồn vốn doanh nghiệp) lập phương án giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 04 điều. Quyết định ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 02 phần, 04 chương, 28 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về Định mức kinh tế - kỹ

thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bao gồm:

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết; Thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận; Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận, cơ sở xử lý; Vận chuyển chất thải công nghiệp từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý; Vận chuyển chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình cá nhân từ điểm thu gom đến cơ sở xử lý hoặc điểm lưu giữ chất thải nguy hại; Vận chuyển nước thải phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến cơ sở xử lý; Vệ sinh điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh; Vận hành cơ sở đốt chất thải rắn sinh hoạt không thu hồi năng lượng; Vận hành cơ sở xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật vệ sinh công cộng: Duy trì vệ sinh đường phố bằng thủ công; Quét, gom rác đường phố bằng thủ công; Duy trì dải phân cách bằng thủ công; Tua vĩa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch; Quét rác đường phố bằng cơ giới; Tưới nước rửa đường; Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường.

+ Các định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì vệ sinh trên biển: Thu gom, nhặt, vớt rác ven bờ biển; Thu gom, vớt chất thải rắn trôi nổi trên biển; Vận chuyển chất thải rắn trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới; Bốc xúc chất thải rắn từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới; Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận.

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

12. Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 27/10/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Tại Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Tại điểm b, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ: UBND tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản để quy định:

+ Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 và điều kiện thực tế của địa phương.

+ Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.

Cơ sở thực tiễn:

(1) Đối với việc quy định địa bàn

* Về đối tượng

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 các đối tượng là Học sinh bán trú bao gồm:

- Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:

+ Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn:

+ Là người dân tộc thiểu số;

+ Là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ.”

* Về quy định khoảng cách và địa bàn

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 thì các đối tượng quy định khoảng cách và địa hình như sau:

- Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

- Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

Đối chiếu với các quy định về việc thực hiện khoảng cách và địa hình hiện nay trên địa bàn tỉnh, tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 như sau:

+ Quy định về thực hiện khoảng cách: Học sinh tiểu học bán trú ngày, bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; Học sinh tiểu học tại Đảo Trần, Cô Tô, Làng Chài; Học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở các xã trên địa bàn tỉnh: nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

+ Quy định về địa bàn địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh: Danh mục quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 đã

bao gồm các thôn thuộc xã ra khỏi vùng khó khăn, diện đặc biệt khó khăn có địa hình cách trở, giao thông đi khai khó khăn.

Như vậy việc quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày thực hiện như sau: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

Quy định cụ thể địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá thực hiện theo danh mục quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của HĐND tỉnh và việc thay đổi tên địa danh đơn vị hành chính cấp xã tại dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo tên đơn vị hành chính cấp xã phê duyệt tại Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025.

(2) Căn cứ vào các danh mục theo nhu cầu thực tế như đang trang cấp đã thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 06 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, bao gồm:

+ Quy định khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

+ Quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá không thể đi đến trường và trở về trong ngày.

+ Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đối tượng áp dụng:

+ Học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh gồm: Học sinh bán trú theo quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

+ Cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, gồm: Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú; Trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Các nội dung chính: Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân,

học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú:

+ Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn bông cá nhân, màn cá nhân, chiếu cá nhân, áo mưa hoặc ô, gối, chậu, phích nước, móc treo quần áo, khăn mặt, xô nhựa, ca uống nước.

+ Mỗi năm học, học sinh được cấp 02 bộ quần áo đồng phục (mùa đông, mùa hè) và học phẩm khác theo nhu cầu của học sinh trong từng năm (vở, giấy, bút, cặp, tẩy, thước kẻ, bộ compa và thước đo độ, kéo, hồ dán).

13. Quyết định số 83/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2025 và bãi bỏ các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Điều 30, Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại mục 5 quy định: ...“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác”; Nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 23/12/2024. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 về việc ban hành Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Đường bộ và Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được xây dựng trên cơ sở căn cứ Luật Đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008 và các nghị định, thông tư hướng dẫn đã hết hiệu lực thi hành.

- Mục đích ban hành: Tạo cơ sở triển khai thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường quốc lộ được phân cấp và hệ thống đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự thủ tục cấp phép thi công nút

giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 03 chương, 06 điều, 01 phụ lục.

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, trình tự cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 5, Điều 30, Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Các nội dung chính:

+ Quy định về chấp thuận thiết kế nút giao, cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường tỉnh và các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý;

+ Quy định về chấp thuận thiết kế nút giao và cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường đô thị, đường xã, đường thôn đang khai thác.

- Phụ lục kèm theo: Mẫu đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đầu nối, cấp phép thi công nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác.

14. Quyết định số 86/2025/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý tài sản công, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh, theo đó: Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định về mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản một số loại tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 25/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Theo đó tại

khoản 14, Điều 8 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có quy định: “14. Bãi bỏ ... khoản 2 Điều 17” . Như vậy, HĐND cấp tỉnh không thực hiện quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 73/2025/NQ-HĐND ngày 11/9/2025 bãi bỏ Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15. Ngày 01/7/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) trong đó, quy định Chủ tịch UBND tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Cơ sở thực tiễn:

Để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo các nội dung, nhiệm vụ của chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, kế thừa những kết quả đã đạt được khi thực hiện phân cấp tại Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND; đồng thời, nhằm tăng cường đẩy mạnh thẩm quyền quyết định cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã; nâng cao trách nhiệm, tạo sự chủ động trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Hạn chế được việc phát sinh các thủ tục hành chính, dẫn đến chậm trễ trong quá trình xử lý tài sản, gây lãng phí tài sản công.

Do vậy, việc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh là cần thiết và có căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Mục đích ban hành: Ban hành Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh với mục đích:

+ Đẩy mạnh và tăng cường hơn nữa thẩm quyền quyết định, nâng cao trách nhiệm, tạo sự chủ động trong thực thi nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và UBND cấp xã; nhằm góp phần đưa công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, địa phương đi vào nề nếp, đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật.

+ Kế thừa những ưu điểm đối với các nội dung phân cấp trước đây tại Nghị quyết số 62/2021/NQ-HĐND và bổ sung những nội dung phân cấp mới.

+ Hạn chế được việc phát sinh các thủ tục hành chính, dẫn đến chậm trễ trong quá trình xử lý tài sản, gây lãng phí tài sản công.

+ Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý ngân sách, phân cấp nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách quy định tại Luật NSNN.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 19 điều.

- Phạm vi điều chỉnh

(1) Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh (trừ khoản 2 Điều này) gồm: Giao tài sản bằng hiện vật; khoán kinh phí sử dụng tài sản công; khai thác tài sản công; thu hồi tài sản, điều chuyển tài sản, bán tài sản, thanh lý tài sản, tiêu hủy tài sản, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt Đề án đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao do cấp xã quản lý, di tích lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa không gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp Chính phủ chưa ban hành quy định, đồng thời pháp luật chuyên ngành không có quy định.

(2) Quyết định này không điều chỉnh đối với:

+ Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

+ Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh; các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh; tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ninh, gồm: khoán kinh phí sử dụng tài sản công, khai thác, xử lý tài sản công; phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

(3) Ngoài các nội dung được quy định tại Quyết định này, các nội dung khác quy định về thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

(4) Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

- Đối tượng áp dụng:

(1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh, bao gồm:

+ Cơ quan nhà nước (gọi là cơ quan) gồm: cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã;

+ Các tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh (gọi là tổ chức);

+ Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi là đơn vị) gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và thuộc UBND cấp xã; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh;

(2) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các quy định chính: giao tài sản; khoán kinh phí sử dụng tài sản công; khai thác tài sản công; thu hồi tài sản, điều chuyển tài sản, bán tài sản, thanh lý tài sản, tiêu hủy tài sản, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt Đề án đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao do cấp xã quản lý, di tích lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa không gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp Chính phủ chưa ban hành quy định, đồng thời pháp luật chuyên ngành không có quy định.

15. Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường công trình giao thông

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 24/10//2025.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; Quyết định số 2418/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và môi trường.

Cơ sở thực tiễn:

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2673/UBND-XDMT ngày 04/8/2025 về xây dựng Quyết định của UBND tỉnh về sửa đổi các Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND và số 56/2024/QĐ-UBND quy định về bộ đơn giá bồi thường công trình xây dựng và công trình giao thông; Căn cứ tình hình thực tiễn khi triển

khai GPMB trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh sau khi ban hành 02 quyết định quy định về bộ đơn giá bồi thường và sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp.

- Mục đích ban hành:

+ Để kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện công tác lập phương án bồi thường, góp phần rút ngắn thời gian thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong khoảng thời gian còn lại của năm 2025 trước khi Sở Xây dựng tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND dự kiến có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2025.

+ Để kịp thời giải quyết các phát sinh về đơn giá bồi thường trong quá trình tổ chức kiểm đếm và đẩy nhanh việc phê duyệt phương án bồi thường nhằm đảm bảo tiến độ giải pháp mặt bằng các dự án, thì việc xem xét, sửa đổi một số nội dung quy định tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 quy định về bộ đơn giá bồi thường tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh - Phần đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và Phần đơn giá bồi thường công trình Giao thông là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Cụ thể:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh.

Nội dung: Sửa đổi nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 theo hướng tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định đơn giá xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định, phê duyệt. Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 3 Điều 5 Quyết định 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định áp dụng kèm theo các Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh.

Nội dung:

(1) Bổ sung nội dung quy định về việc điều chỉnh thuế giá trị gia tăng tại mục 1 Phần I. Quy định áp dụng chung kèm theo Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024.

(2) Sửa đổi nội dung quy định về phân chia khu vực tại điểm 2.2 mục 2 Phần I. Quy định áp dụng chung kèm theo các Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 và số 56/2024/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh theo

Nghị quyết số 1679/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh năm 2025.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

16. Quyết định số 88/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 07/11/2025.

- Quy định chuyên tiếp: Đối với các nhiệm vụ, dự án về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã được phê duyệt, thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà có hạng mục công việc đã thực hiện và sản phẩm đã được nghiệm thu cấp đơn vị thi công thì tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đối với nội dung công việc đã được nghiệm thu theo dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ đã được phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại theo quy định tại Quyết định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Trước đây, khi thực hiện Luật Đất đai năm 2013, định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành tại Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017, các địa phương trên cả nước căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) để tổ chức thực hiện công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn.

Ngày 16/11/2024, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BTNMT về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành, liên tịch ban hành; theo đó bãi bỏ toàn bộ Thông tư số Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai kể từ ngày 01/01/2025.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chưa có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

- Mục đích ban hành: Thực hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh theo thẩm quyền được giao trong Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ, là cơ sở pháp lý để xây dựng, ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (được UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể tại Văn bản số 56/UBND-QHTN&MT ngày 08/01/2025).

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 04 điều. Quyết định ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Định mức gồm 02 chương, 15 điều.

- Phạm vi điều chỉnh: Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai áp dụng cho việc xây dựng các CSDL thành phần của CSDL đất đai sau đây:

- + CSDL địa chính;
- + CSDL thông kê, kiểm kê đất đai;
- + CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- + CSDL giá đất.
- + CSDL điều tra, đánh giá đất đai.

- Đối tượng áp dụng:

+ Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng CSDL đất đai theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai sử dụng nguồn NSNN.

+ Định mức kinh tế - kỹ thuật này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm, dự toán kinh phí xây dựng CSDL đất đai, làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành.

17. Quyết định số 89/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

a) Hiệu lực thi hành:

- Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 10/11/2025.

- Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Cơ sở chính trị, pháp lý:

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 đã được Quốc hội khóa XV thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Cơ sở thực tiễn:

Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và sâu sắc hơn nữa trong tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước và công tác khen thưởng của tỉnh theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 37-CT/TU ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc “đổi mới phong trào thi đua yêu nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về công tác thi đua, khen thưởng; UBND tỉnh đã ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình thực hiện, quy định đã tạo cơ sở quan trọng trong công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập liên quan đến thẩm quyền quản lý, các quy định liên quan đến quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với giai đoạn mới sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy. Đồng thời, một số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng đã hết hiệu lực và đã có văn bản mới thay thế, cụ thể là: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các Văn bản của các bộ, ngành có nội dung liên quan đến thi đua, khen thưởng đã và đang có sự điều chỉnh liên quan đến thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Do đó, việc nghiên cứu ban hành mới Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh thay thế Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là cần thiết.

- Mục đích ban hành: Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 điều. Quyết định ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Quy định gồm 08 chương, 32 điều.

- Phạm vi điều chỉnh

(1) Quy định này quy định chi tiết thi hành:

+ Khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 31; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, khen thưởng).

+ Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP).

(2) Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh.

- Các nội dung chính:

+ Chương I. Quy định về các nội dung: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Nguyên tắc thi đua, khen thưởng.

+ Chương II. Quy định về các nội dung: Tổ chức thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đối với cá nhân (“Lao động tiên tiến”); tập thể (“Tập thể lao động tiên tiến”; “Tập thể lao động xuất sắc”; Cờ thi đua của UBND tỉnh; “Gia đình văn hóa”; “Thôn, tổ dân phố văn hóa”; “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”).

+Chương III. Quy định về các nội dung: Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; Thư khen của Chủ tịch UBND tỉnh; Giấy khen.

+ Chương IV. Quy định về các nội dung: Thẩm quyền khen thưởng và đề nghị khen thưởng; Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể;

Quy định về lấy ý kiến đề khen thưởng; công khai danh sách đề nghị khen thưởng; Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng; Hồ sơ đề nghị khen thưởng.

+ Chương V. Quy định về các nội dung: Tổ chức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã; Hoạt động của cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh.

+ Chương VI. Quy định về quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng; hồ sơ, thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng; hồ sơ, thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng.

+ Chương VII. Quy định về hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh; Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp tỉnh.

+ Chương VIII. Quy định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong tháng 10 năm 2025, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TH&PBGDPL.

GIÁM ĐỐC

Mai Vũ Tuấn